

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Số: 261 / KT&ĐG-ĐGNL

V/v khung quy đổi điểm trúng tuyển theo
điểm thi Đánh giá năng lực ĐHQG-HCM về
điểm trúng tuyển theo điểm thi tốt nghiệp
trung học phổ thông năm 2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2025

Kính gửi: Lãnh đạo các đơn vị sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-ĐHQG ngày 20/01/2025 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) về việc ban hành Quy định tổ chức Kỳ thi Đánh giá năng lực (ĐGNL); Căn cứ Công văn số 2457/BGDĐT-GDĐH ngày 19/5/2025 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng;

Tiếp theo Công văn số 232/KT&ĐG-ĐGNL ngày 07/7/2025 của Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo (Trung tâm) về việc cung cấp bảng bách phân vị điểm thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2025, Trung tâm kính gửi đến các đơn vị bảng bách phân vị dành cho nhóm thí sinh đồng thời có điểm thi ĐGNL ĐHQG-HCM và điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (theo các tổ hợp tương ứng), nhằm hỗ trợ các đơn vị có cơ sở tham khảo trong việc xây dựng phương án quy đổi điểm theo từng tổ hợp môn xét tuyển (*văn bản đính kèm*).

Trung tâm trân trọng cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý đơn vị trong thời gian qua; đồng thời kính mong Quý đơn vị sẽ tiếp tục đồng hành, phối hợp chặt chẽ với ĐHQG-HCM trong việc sử dụng kết quả Kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM năm 2025 và các năm tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



NQC

Nguyễn Quốc Chính

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRUNG TÂM KHẢO THÍ VÀ
ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

**BẢNG BÁCH PHÂN VỊ DÀNH CHO NHÓM THÍ SINH ĐỒNG THỜI CÓ
ĐIỂM THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐHQG-HCM VÀ ĐIỂM THI
TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2025**
(Kèm theo Công văn số 261/KT&ĐG-ĐGNL ngày 24/7/2025
của Trung tâm Khảo thí và Đánh giá Chất lượng Đào tạo)

**1. BẢNG BÁCH PHÂN VỊ ĐIỂM THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐHQG-HCM
CỦA TOÀN BỘ THÍ SINH**

STT	Nhóm Phân vị	Số lượng thí sinh trong nhóm phân vị	Điểm cao nhất của nhóm	Điểm thấp nhất của nhóm
1	1%	1.524	1.122	1.000
2	2%	1.508	999	976
3	3%	1.521	975	959
4	4%	1.522	958	945
5	5%	1.583	944	933
6	6%	1.517	932	923
7	7%	1.566	922	913
8	8%	1.452	912	904
9	9%	1.581	903	895
10	10%	1.464	894	887
11	11%	1.546	886	879
12	12%	1.603	878	871
13	13%	1.425	870	864
14	14%	1.507	863	857
15	15%	1.612	856	850
16	16%	1.526	849	843
17	17%	1.579	842	836
18	18%	1.568	835	829
19	19%	1.357	828	823
20	20%	1.627	822	816
21	21%	1.559	815	810
22	22%	1.466	809	804
23	23%	1.431	803	798
24	24%	1.740	797	791
25	25%	1.492	790	785
26	26%	1.565	784	779
27	27%	1.297	778	774
28	28%	1.594	773	768
29	29%	1.566	767	762
30	30%	1.576	761	756

STT	Nhóm Phân vị	Số lượng thí sinh trong nhóm phân vị	Điểm cao nhất của nhóm	Điểm thấp nhất của nhóm
31	31%	1.608	755	750
32	32%	1.332	749	745
33	33%	1.614	744	739
34	34%	1.426	738	734
35	35%	1.526	733	729
36	36%	1.688	728	723
37	37%	1.455	722	718
38	38%	1.466	717	713
39	39%	1.754	712	707
40	40%	1.453	706	702
41	41%	1.502	701	697
42	42%	1.512	696	692
43	43%	1.520	691	687
44	44%	1.581	686	682
45	45%	1.587	681	677
46	46%	1.232	676	673
47	47%	1.556	672	668
48	48%	1.579	667	663
49	49%	1.615	662	658
50	50%	1.607	657	653
51	51%	1.541	652	648
52	52%	1.555	647	643
53	53%	1.290	642	639
54	54%	1.607	638	634
55	55%	1.653	633	629
56	56%	1.271	628	625
57	57%	1.655	624	620
58	58%	1.627	619	615
59	59%	1.609	614	610
60	60%	1.243	609	606
61	61%	1.680	605	601
62	62%	1.616	600	596
63	63%	1.494	595	592
64	64%	1.442	591	588
65	65%	1.711	587	583
66	66%	1.376	582	579
67	67%	1.449	578	575
68	68%	1.433	574	571
69	69%	1.684	570	566
70	70%	1.651	565	561
71	71%	1.335	560	557
72	72%	1.614	556	552
73	73%	1.660	551	547

STT	Nhóm Phân vị	Số lượng thí sinh trong nhóm phân vị	Điểm cao nhất của nhóm	Điểm thấp nhất của nhóm
74	74%	1.424	546	543
75	75%	1.339	542	539
76	76%	1.666	538	534
77	77%	1.650	533	529
78	78%	1.340	528	525
79	79%	1.526	524	520
80	80%	1.564	519	515
81	81%	1.534	514	510
82	82%	1.501	509	505
83	83%	1.441	504	500
84	84%	1.803	499	494
85	85%	1.404	493	489
86	86%	1.648	488	483
87	87%	1.355	482	478
88	88%	1.558	477	472
89	89%	1.509	471	466
90	90%	1.676	465	459
91	91%	1.394	458	453
92	92%	1.506	452	446
93	93%	1.567	445	438
94	94%	1.599	437	429
95	95%	1.434	428	420
96	96%	1.530	419	409
97	97%	1.557	408	395
98	98%	1.548	394	377
99	99%	1.527	376	352
100	100%	1.508	351	120

2. BẢNG BÁCH PHÂN VỊ CỦA TỪNG TỔ HỢP MÔN THI

2.1 TỔ HỢP A01 (TOÁN - LÍ - ANH)

Đánh giá năng lực			Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất	Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	1122	1019	1	29,50	26,85
2	1018	998	2	26,75	26,25
3	997	984	3	26,10	25,75
4	983	973	4	25,65	25,35
5	972	962	5	25,25	25,05
6	961	954	6	25,00	24,85
7	953	946	7	24,75	24,60
8	945	939	8	24,50	24,30
9	938	932	9	24,25	24,25
10	931	926	10	24,20	24,00
11	925	919	11	23,95	23,80
12	918	913	12	23,75	23,55
13	912	908	13	23,50	23,50
14	907	902	14	23,45	23,30
15	901	896	15	23,25	23,10
16	895	891	16	23,00	23,00
17	890	886	17	22,95	22,85
18	885	880	18	22,75	22,75
19	879	875	19	22,70	22,55
20	874	870	20	22,50	22,50
21	869	865	21	22,45	22,30
22	864	860	22	22,25	22,25
23	859	855	23	22,20	22,05
24	854	851	24	22,00	22,00
25	850	846	25	21,95	21,80
26	845	841	26	21,75	21,75
27	840	837	27	21,70	21,70
28	836	832	28	21,60	21,55
29	831	827	29	21,50	21,50
30	826	822	30	21,45	21,30
31	821	817	31	21,25	21,25
32	816	812	32	21,20	21,10
33	811	808	33	21,05	21,05
34	807	803	34	21,00	21,00
35	802	798	35	20,95	20,85
36	797	793	36	20,75	20,75
37	792	788	37	20,70	20,60
38	787	783	38	20,55	20,55
39	782	778	39	20,50	20,50
40	777	774	40	20,45	20,30

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
41	773	769
42	768	765
43	764	760
44	759	755
45	754	750
46	749	745
47	744	740
48	739	735
49	734	730
50	729	726
51	725	721
52	720	716
53	715	711
54	710	706
55	705	701
56	700	696
57	695	692
58	691	687
59	686	682
60	681	677
61	676	673
62	672	667
63	666	662
64	661	657
65	656	652
66	651	647
67	646	642
68	641	637
69	636	632
70	631	627
71	626	622
72	621	617
73	616	611
74	610	606
75	605	600
76	599	595
77	594	591
78	590	585
79	584	580
80	579	575
81	574	569
82	568	564
83	563	558

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
41	20,25	20,25
42	20,20	20,15
43	20,10	20,05
44	20,00	20,00
45	19,95	19,85
46	19,80	19,80
47	19,75	19,75
48	19,70	19,60
49	19,55	19,55
50	19,50	19,50
51	19,45	19,30
52	19,25	19,25
53	19,20	19,15
54	19,10	19,05
55	19,00	19,00
56	18,95	18,90
57	18,85	18,80
58	18,75	18,75
59	18,70	18,60
60	18,55	18,55
61	18,50	18,50
62	18,45	18,35
63	18,30	18,25
64	18,20	18,20
65	18,15	18,05
66	18,00	18,00
67	17,95	17,95
68	17,85	17,80
69	17,75	17,75
70	17,70	17,60
71	17,55	17,50
72	17,45	17,40
73	17,35	17,30
74	17,25	17,25
75	17,20	17,10
76	17,05	17,00
77	16,95	16,90
78	16,85	16,80
79	16,75	16,65
80	16,60	16,55
81	16,50	16,45
82	16,40	16,30
83	16,25	16,20

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
84	557	552
85	551	546
86	545	539
87	538	533
88	532	527
89	526	519
90	518	512
91	511	504
92	503	495
93	494	487
94	486	477
95	476	466
96	465	455
97	454	440
98	439	421
99	420	392

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
84	16,15	16,05
85	16,00	15,90
86	15,85	15,80
87	15,75	15,70
88	15,60	15,50
89	15,45	15,30
90	15,25	15,10
91	15,05	14,95
92	14,90	14,75
93	14,70	14,55
94	14,50	14,30
95	14,25	14,00
96	13,95	13,70
97	13,60	13,30
98	13,25	12,80
99	12,75	11,95

2.2 TỔ HỢP B00 (TOÁN - HÓA - SINH)

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	1078	991
2	990	972
3	971	954
4	953	942
5	941	931
6	930	923
7	922	912
8	911	902
9	901	894
10	893	885
11	884	878
12	877	869
13	868	862
14	861	855
15	854	849
16	848	842
17	841	835
18	834	828
19	827	821
20	820	815
21	814	809
22	808	804
23	803	798
24	797	791
25	790	786
26	785	780
27	779	775
28	774	769
29	768	763
30	762	758
31	757	752
32	751	745
33	744	739
34	738	734
35	733	729
36	728	723
37	722	717
38	716	711
39	710	706
40	705	701
41	700	696

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	30,00	28,00
2	27,75	27,50
3	27,25	27,10
4	27,00	26,75
5	26,70	26,50
6	26,40	26,25
7	26,10	26,00
8	25,95	25,80
9	25,75	25,55
10	25,50	25,50
11	25,40	25,25
12	25,10	25,10
13	25,00	24,80
14	24,75	24,75
15	24,65	24,55
16	24,50	24,35
17	24,25	24,20
18	24,10	24,00
19	23,85	23,80
20	23,75	23,75
21	23,70	23,50
22	23,45	23,35
23	23,30	23,25
24	23,20	23,05
25	23,00	23,00
26	22,95	22,80
27	22,75	22,70
28	22,65	22,55
29	22,50	22,45
30	22,35	22,30
31	22,25	22,15
32	22,10	22,05
33	22,00	21,90
34	21,85	21,85
35	21,75	21,65
36	21,60	21,50
37	21,45	21,35
38	21,30	21,25
39	21,20	21,10
40	21,05	21,00
41	20,95	20,85

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
42	695	691
43	690	686
44	685	681
45	680	677
46	676	671
47	670	667
48	666	662
49	661	658
50	657	654
51	653	649
52	648	644
53	643	640
54	639	635
55	634	630
56	629	626
57	625	622
58	621	617
59	616	612
60	611	608
61	607	603
62	602	598
63	597	594
64	593	589
65	588	584
66	583	581
67	580	576
68	575	571
69	570	567
70	566	562
71	561	558
72	557	554
73	553	549
74	548	545
75	544	540
76	539	536
77	535	532
78	531	528
79	527	524
80	523	519
81	518	515
82	514	509
83	508	504
84	503	499

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
42	20,75	20,75
43	20,70	20,60
44	20,55	20,50
45	20,45	20,35
46	20,30	20,25
47	20,20	20,15
48	20,10	20,05
49	20,00	19,90
50	19,85	19,80
51	19,75	19,70
52	19,60	19,55
53	19,50	19,45
54	19,40	19,35
55	19,30	19,25
56	19,20	19,10
57	19,05	19,00
58	18,95	18,85
59	18,80	18,75
60	18,70	18,65
61	18,60	18,55
62	18,50	18,45
63	18,35	18,25
64	18,20	18,15
65	18,10	18,00
66	17,95	17,90
67	17,85	17,80
68	17,75	17,65
69	17,60	17,55
70	17,50	17,45
71	17,35	17,25
72	17,20	17,10
73	17,05	17,00
74	16,95	16,85
75	16,80	16,75
76	16,70	16,60
77	16,55	16,50
78	16,45	16,35
79	16,30	16,25
80	16,20	16,15
81	16,10	16,00
82	15,95	15,85
83	15,80	15,70
84	15,65	15,55

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
85	498	493
86	492	488
87	487	484
88	483	478
89	477	473
90	472	467
91	466	460
92	459	453
93	452	446
94	445	436
95	435	426
96	425	415
97	414	400
98	399	385
99	384	361

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
85	15,50	15,40
86	15,35	15,25
87	15,20	15,05
88	15,00	14,90
89	14,85	14,65
90	14,60	14,50
91	14,45	14,25
92	14,20	14,05
93	14,00	13,80
94	13,75	13,50
95	13,45	13,20
96	13,15	12,80
97	12,75	12,35
98	12,30	11,75
99	11,70	10,95

2.3 TỔ HỢP C01 (TOÁN - VĂN - LÝ)

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	1122	1011
2	1010	988
3	987	972
4	971	960
5	959	949
6	948	939
7	938	930
8	929	922
9	921	914
10	913	906
11	905	899
12	898	892
13	891	885
14	884	879
15	878	872
16	871	866
17	865	859
18	858	854
19	853	848
20	847	842
21	841	836
22	835	830
23	829	824
24	823	818
25	817	812
26	811	807
27	806	801
28	800	795
29	794	790
30	789	784
31	783	778
32	777	773
33	772	768
34	767	762
35	761	757
36	756	751
37	750	746
38	745	740
39	739	735
40	734	730
41	729	725

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	28,75	26,75
2	26,67	26,25
3	26,17	25,85
4	25,75	25,58
5	25,50	25,33
6	25,25	25,25
7	25,17	25,00
8	24,92	24,83
9	24,75	24,75
10	24,67	24,50
11	24,45	24,33
12	24,25	24,25
13	24,20	24,01
14	24,00	24,00
15	23,95	23,83
16	23,75	23,75
17	23,70	23,60
18	23,59	23,58
19	23,50	23,50
20	23,45	23,33
21	23,25	23,25
22	23,20	23,10
23	23,08	23,02
24	23,00	23,00
25	22,95	22,76
26	22,75	22,76
27	22,75	22,75
28	22,70	22,55
29	22,50	22,50
30	22,45	22,50
31	22,45	22,30
32	22,25	22,30
33	22,25	22,25
34	22,20	22,05
35	22,00	22,05
36	22,00	22,00
37	21,95	21,85
38	21,83	21,80
39	21,75	21,75
40	21,70	21,65
41	21,60	21,52

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
42	724	720
43	719	715
44	714	709
45	708	704
46	703	699
47	698	694
48	693	689
49	688	684
50	683	679
51	678	674
52	673	669
53	668	664
54	663	659
55	658	654
56	653	649
57	648	644
58	643	639
59	638	634
60	633	629
61	628	624
62	623	620
63	619	615
64	614	610
65	609	605
66	604	600
67	599	595
68	594	591
69	590	586
70	585	582
71	581	577
72	576	572
73	571	567
74	566	563
75	562	558
76	557	553
77	552	548
78	547	543
79	542	538
80	537	532
81	531	528
82	527	522
83	521	517
84	516	511

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
42	21,50	21,50
43	21,45	21,50
44	21,45	21,27
45	21,25	21,27
46	21,25	21,25
47	21,20	21,10
48	21,09	21,05
49	21,00	21,00
50	20,95	20,90
51	20,85	20,80
52	20,75	20,80
53	20,75	20,75
54	20,70	20,60
55	20,58	20,52
56	20,50	20,50
57	20,45	20,41
58	20,35	20,27
59	20,25	20,25
60	20,20	20,25
61	20,20	20,10
62	20,08	20,02
63	20,00	20,00
64	19,95	19,85
65	19,83	19,76
66	19,75	19,75
67	19,70	19,65
68	19,60	19,52
69	19,50	19,50
70	19,48	19,40
71	19,35	19,28
72	19,25	19,25
73	19,20	19,15
74	19,10	19,02
75	19,00	19,00
76	18,95	18,85
77	18,83	18,75
78	18,70	18,62
79	18,60	18,52
80	18,50	18,50
81	18,45	18,35
82	18,33	18,25
83	18,20	18,10
84	18,08	18,00

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
85	510	506
86	505	500
87	499	494
88	493	488
89	487	481
90	480	474
91	473	467
92	466	460
93	459	452
94	451	443
95	442	433
96	432	422
97	421	408
98	407	390
99	389	363

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
85	17,95	17,90
86	17,85	17,75
87	17,70	17,60
88	17,58	17,50
89	17,45	17,35
90	17,33	17,25
91	17,20	17,05
92	17,00	16,85
93	16,83	16,65
94	16,60	16,45
95	16,42	16,12
96	16,10	15,85
97	15,83	15,50
98	15,45	15,00
99	14,95	14,12

2.4 TỔ HỢP D01 (TOÁN - VĂN - ANH)

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	1122	1006
2	1005	985
3	984	969
4	968	956
5	955	945
6	944	935
7	934	927
8	926	918
9	917	911
10	910	903
11	902	896
12	895	889
13	888	882
14	881	876
15	875	870
16	869	864
17	863	858
18	857	852
19	851	846
20	845	841
21	840	835
22	834	829
23	828	824
24	823	818
25	817	813
26	812	808
27	807	802
28	801	797
29	796	792
30	791	786
31	785	781
32	780	776
33	775	771
34	770	766
35	765	761
36	760	756
37	755	751
38	750	745
39	744	741
40	740	735
41	734	731
42	730	726

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
1	28,00	25,05
2	25,00	24,50
3	24,45	24,05
4	24,00	23,75
5	23,70	23,50
6	23,45	23,25
7	23,20	23,05
8	23,00	22,80
9	22,75	22,75
10	22,70	22,55
11	22,50	22,30
12	22,25	22,25
13	22,20	22,01
14	22,00	22,00
15	21,95	21,80
16	21,75	21,75
17	21,70	21,60
18	21,58	21,52
19	21,50	21,50
20	21,45	21,27
21	21,25	21,25
22	21,20	21,10
23	21,08	21,02
24	21,00	21,00
25	20,95	20,80
26	20,75	20,80
27	20,75	20,75
28	20,70	20,58
29	20,50	20,58
30	20,50	20,50
31	20,45	20,35
32	20,33	20,30
33	20,25	20,25
34	20,20	20,25
35	20,20	20,05
36	20,00	20,05
37	20,00	20,00
38	19,95	19,85
39	19,83	19,80
40	19,75	19,75
41	19,70	19,75
42	19,70	19,55

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
43	725	721
44	720	717
45	716	712
46	711	707
47	706	702
48	701	698
49	697	693
50	692	689
51	688	684
52	683	679
53	678	675
54	674	670
55	669	666
56	665	661
57	660	657
58	656	652
59	651	647
60	646	643
61	642	638
62	637	633
63	632	629
64	628	624
65	623	620
66	619	615
67	614	610
68	609	605
69	604	601
70	600	596
71	595	592
72	591	588
73	587	583
74	582	578
75	577	574
76	573	569
77	568	564
78	563	559
79	558	554
80	553	549
81	548	544
82	543	539
83	538	534

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
43	19,50	19,55
44	19,50	19,50
45	19,45	19,40
46	19,35	19,30
47	19,25	19,25
48	19,20	19,25
49	19,20	19,10
50	19,08	19,05
51	19,00	19,00
52	18,95	19,00
53	18,95	18,80
54	18,75	18,80
55	18,75	18,75
56	18,70	18,65
57	18,60	18,53
58	18,50	18,53
59	18,50	18,50
60	18,45	18,40
61	18,35	18,26
62	18,25	18,25
63	18,20	18,25
64	18,20	18,10
65	18,08	18,02
66	18,00	18,00
67	17,95	17,87
68	17,85	17,78
69	17,75	17,75
70	17,70	17,75
71	17,70	17,60
72	17,58	17,52
73	17,50	17,50
74	17,45	17,35
75	17,34	17,27
76	17,25	17,25
77	17,20	17,10
78	17,08	17,02
79	17,00	17,00
80	16,95	16,85
81	16,83	16,77
82	16,75	16,70
83	16,68	16,52

Đánh giá năng lực		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
84	533	528
85	527	523
86	522	517
87	516	511
88	510	504
89	503	498
90	497	491
91	490	484
92	483	476
93	475	468
94	467	459
95	458	449
96	448	438
97	437	424
98	423	407
99	406	380

Trung học phổ thông		
Phân vị (%)	Điểm cao nhất	Điểm thấp nhất
84	16,50	16,50
85	16,45	16,35
86	16,34	16,25
87	16,20	16,16
88	16,10	16,00
89	15,95	15,85
90	15,83	15,75
91	15,70	15,52
92	15,50	15,42
93	15,35	15,25
94	15,20	15,01
95	15,00	14,77
96	14,75	14,52
97	14,50	14,10
98	14,05	13,75
99	13,70	13,00